

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 760/2020/KDTM-PT

Ngày: 11/8/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Thẩm phán:

1/ Bà Vũ Thị Hương

2/ Bà Trương Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trương Thị Hồng Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/KDTMPT ngày 08/6/2020 về việc “tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án sơ thẩm số 321/2020/KDTM-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị bị đơn Công ty cổ phần L kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3165/2020/QĐXX-PT ngày 23/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7260 ngày 21/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T.

Địa chỉ: Số 362/14 U, Phường A, quận B, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trịnh Ngọc P, sinh năm 1987 (có mặt).

- Ông Nguyễn Thái P, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số 362/14 U, Phường A, quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần L.

Địa chỉ: 24A P, Phường C, quận B, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Đặng Văn L (vắng mặt)

- Ông Lê Trung V (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 24A P, Phường D, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 10/3/2018, nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T và bị đơn Công ty cổ phần L có ký Hợp đồng thi công số 230/18/LCG (gọi tắt là hợp đồng 230) hạng mục san nền, đường công vụ, xử lý nền đất yếu bằng cọc xi măng đất D600mm- thuộc dự án ”Đầu tư xây dựng mới nhà máy nước Sài Gòn- Mêkong” Giá trị hợp đồng sau thuế: 11.000.000.000 đồng (Bằng chữ: *Mười một tỷ đồng chẵn*). Trường hợp bổ sung thêm công việc hai bên sẽ thỏa thuận và ký phụ lục hợp đồng. Thực hiện Hợp đồng 230, nguyên đơn đã hoàn thành 100% khối lượng công việc được giao theo hợp đồng, tương đương 11.000.000.000đ (Mười một tỷ đồng chẵn).

Hiện nay, nguyên đơn đã thi công hoàn thành theo đúng những điều khoản nêu trên trong hợp đồng và đã được bên Bị đơn xác nhận nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng có xác nhận của bị đơn và nguyên đơn;
- Bảng xác nhận khối lượng thanh (quyết) toán có xác nhận của các bên (Bị đơn và Nguyên đơn);
- Bảng giá trị thanh (quyết) toán khối lượng hoàn thành có xác nhận của các bên (Bị đơn và Nguyên đơn)
- Hóa đơn GTGT hợp lệ (bản chính); có xác nhận của người mua hàng.
- Công văn đề nghị thanh (quyết) toán của Nguyên đơn.

Quá thời hạn thanh toán tháng 9/2018 theo Hợp đồng 230, Nguyên đơn đã có văn bản đề nghị và nhắc nhở thanh toán (3 lần). Tuy nhiên, bị đơn không phản hồi bất cứ thông tin nào về việc thanh toán. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng, bắt buộc nguyên đơn phải có đơn khởi kiện ngày 10/12/2018 về việc tranh chấp Hợp đồng thi công giữa hai bên.

Ngày 26/3/2019 bị đơn có gửi văn bản thanh toán công nợ theo tiến độ cụ thể cho nguyên đơn như sau:

Lần 1: trả 2.000.000.000 đồng trước ngày 30/4/2019

Lần 2: trả 3.000.000.000 đồng trước ngày 30/5/2019

Lần 3: trả 4.350.000.000 đồng trước ngày 30/6/2019

Lần 4: 1.650.000.000 đồng trước ngày 30/7/2019

Nhưng đến nay bị đơn chỉ mới trả được lần 1, còn lần 2, lần 3, lần 4 chưa thực hiện. Vậy bị đơn chưa thanh toán số tiền vốn là 9.000.000.000 đồng.

Tiền lãi căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng theo lãi suất vay ngắn hạn của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là 9%/ năm. Thời điểm bắt đầu tính lãi từ ngày bị đơn kê khai khấu trừ kỳ thuế tháng 8/2018 cho cơ quan thuế là ngày 20/9/2018 cho số tiền 85% giá trị hợp đồng, và tính lãi cho số tiền 15% còn lại từ thời điểm 20/2/2020.

Các tính tiền lãi cụ thể như sau:

- Từ 20/9/2018- 10/5/2019 tính lãi suất trên số tiền 9.350.000.000 đồng.
 $9.350.000.000 \text{ đồng} \times 235 \text{ ngày} \times 9\%/365 \text{ ngày} = 537.176.712 \text{ đồng (1)}$

- Từ 11/5/2019- 24/3/2020 tính lãi suất trên số tiền 7.350.000.000 đồng.
 $7.350.000.000 \text{ đồng} \times 319 \text{ ngày} \times 9\%/365 \text{ ngày} = 578.132.887 \text{ đồng (2)}$

- Từ 20/2/2020 – 24/3/2020 tính lãi suất trên số tiền 1.650.000.000 đồng
 $1.650.000.000 \text{ đồng} \times 33 \text{ ngày} \times 9\%/365 \text{ ngày} = 13.426.027 \text{ đồng (3)}$

Tổng lãi là: (1)+ (2) +(3)= 1.128.735.616 đồng

Bị đơn gửi bản tường trình cho Tòa nội dung như sau: Bị đơn mua lại cổ phần Công ty cổ phần nước S - chủ đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng mới nhà máy nước Sài Gòn- Mê kong 50.000 m³/ngày đêm” (nhà máy nước Cần Thơ) thông qua Công ty con là Công Ty cổ phần đầu tư tiện ích L (LCU) bằng hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/17-LCU ngày 20/11/2017. Theo đó thì bị đơn là đơn vị thi công toàn bộ dự án nhà máy nước Cần Thơ.

Trước đó thời điểm 2016 nguyên đơn là đơn vị thi công dự án Nhà máy nước C và đã thi công một phần khối lượng thuộc các hạng mục như san nền, đường công vụ và toàn bộ khối lượng xử lý đất nền bằng cọc xi măng đất D600mm với tổng giá trị thi công 11.000.000.000 đồng (bao gồm thuế VAT). Để dung hòa giữa các bên và tránh vướng mắc trong quá trình triển khai nên bị đơn ký hợp đồng 230 ghi nhận nợ (vì đã mua lại dự án của Nhà máy nước nên mua luôn nợ của nhà máy nước) và hồ sơ thanh toán đợt 1 đã được hoàn thiện ngày 8/8/2018 với giá trị thanh toán là 9.350.000.000 đồng. Trong quá trình làm việc giữa hai bên bị đơn có trao đổi thanh toán công nợ này khi Chủ đầu tư được cấp tín dụng trung và dài hạn tại ngân hàng. Đến nay chủ đầu tư vẫn chưa được cấp tín dụng dẫn đến công nợ của nguyên đơn chưa được thanh toán. Tuy nhiên nguyên đơn chưa hoàn thành hồ sơ chất lượng (hồ sơ QC) cụ thể chưa ký tư vấn giám sát về chứng kiến và kết quả thí nghiệm cả cọc xi măng đất điều chỉnh từ thi công 2016 sang 2018 để khép kín hồ sơ thi công dự án. Điều này gây khó khăn cho bị đơn trong công tác hoàn công hạng mục này với chủ đầu tư. Việc thanh toán công nợ cho nguyên đơn, bị đơn cam kết thực hiện thanh toán toàn bộ giá trị công nợ ngay khi Nhà máy nước Cần Thơ được cấp tín dụng tại ngân hàng và giải ngân cho bị đơn. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chỉ đồng ý thanh toán khi nguyên đơn cung cấp đầy đủ các tài liệu mà bị đơn yêu cầu còn thiếu.

Bản án sơ thẩm số 321/2020/KDTM-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T.

Buộc Công ty cổ phần L có trách nhiệm trả cho của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T số tiền **10.128.735.616 đồng** (Mười tỷ một trăm hai mươi tám triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm mười sáu đồng) trong đó nợ gốc là: 9.000.000.000 đồng, nợ lãi là: 1.128.735.616 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty cổ phần L còn phải thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 24/3/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng thi công số 230/18/LCG ngày 10/3/2018 trên số dư nợ gốc thực nợ cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/4/2020, bị đơn Công ty cổ phần L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán là thiếu căn cứ, bị đơn chỉ đồng ý thanh toán cho bị đơn trong trường hợp nguyên đơn bàn giao bộ hồ sơ chất lượng công trình cho bị đơn.

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; nguyên đơn tranh luận: Khoản 6.2 của hợp đồng quy định quyền và nghĩa vụ của bên B của Hợp đồng 230, nghĩa vụ của nguyên đơn là cùng với bị đơn hoàn thành hồ sơ chất lượng công trình cho phần khối lượng nguyên đơn đã thi công để nộp cho Chủ đầu tư. Việc hoàn thành hồ sơ chất lượng công trình là trách nhiệm của nguyên đơn trong việc phối hợp hoàn thiện, chứ không phải là điều kiện ràng buộc bắt buộc trong điều khoản thanh quyết toán Hợp đồng giữa các bên. Trong quá trình phối hợp, nguyên đơn đã hoàn thiện và chuyển giao toàn bộ hồ sơ chất lượng công trình cho bị đơn và tiếp tục thực hiện bổ sung hồ sơ theo ý kiến của bị đơn. Tuy nhiên, sau đó bị đơn vẫn tiếp tục báo thiếu hồ sơ. Vì vậy, không đồng ý với ý kiến của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn bổ sung hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không nêu cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nghiêm trọng vấn đề nào hoặc cần phải thu thập vấn đề gì, bị đơn chỉ nêu ý kiến là không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguyên đơn chưa bàn giao bộ hồ sơ chất lượng công trình thi công. Đây là vấn đề cần xem xét.

[1.1] Xét thấy: Phía nguyên đơn đã chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình thông qua các chứng cứ như: Hợp đồng thi công số 230/18/LCG ngày 10/3/2018 các bên có thỏa thuận ký hợp đồng thi công hạng mục sang nền, đường công vụ, xử lý nền đất yếu bằng cọc xi măng đất D600mm – thuộc dự án “Đầu tư xây dựng mới nhà máy nước Sài Gòn – Mêkong” với trị giá hợp đồng là 11.000.000.000 đồng; Biên bản số 01 nghiệm thu hoàn thành hạng mục công việc ngày 6/8/2018; Bảng tổng hợp khối lượng thực hiện ngày 6/8/2018; hóa đơn thuế giá trị gia tăng ngày 6/8/2018; Phiếu giá đề nghị thanh toán đợt 1 ngày 06/8/2018 có chữ ký và con dấu của cả 02 đại diện Công ty. Tại giai đoạn sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía bị đơn đều thừa nhận, không phản đối các chứng cứ này. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn không có nghĩa vụ phải chứng minh nội dung chứng cứ nêu trên. Như vậy, qua các chứng cứ nêu trên đã thể hiện rõ, phía nguyên đơn đã hoàn tất công việc của mình, các bên đã nghiệm thu công trình, bị đơn không có ý kiến về chất lượng công trình nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đến khi nguyên đơn khởi kiện, Tòa cấp sơ thẩm triệu tập hòa giải thì bị đơn có Công văn số 90/Licogi 16-TC&QLV ngày 26/3/2019 trong đó có nội dung phía bị đơn công nhận khoản nợ đối với nguyên đơn, và bị đơn đã trả đợt 1 là 2.000.000.000 đồng. Ngoài ra, theo Công văn trả lời của Cục thuế Thành phố H thì ngày 6/8/2018 phía nguyên đơn đã xuất hóa đơn Giá trị gia tăng với tổng số tiền là 11.000.000.000 đồng cho bị đơn và phía bị đơn đã kê khai khấu trừ kỳ thuế tháng 8/2018 cho cơ quan thuế vào ngày 20/9/2018.

[1.2] Căn cứ Điều 5 Hợp đồng mà các bên ký kết, bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại, nay bị đơn cho rằng nguyên đơn phải cung cấp đầy đủ hồ sơ theo Điều 6.2 của Hợp đồng thì bị đơn mới thanh toán. Tuy nhiên, Khoản 6.2 của hợp đồng quy định việc hoàn thành hồ sơ chất lượng công trình là trách nhiệm của nguyên đơn trong việc phối hợp hoàn thiện, chứ không phải là điều kiện ràng buộc bắt buộc trong điều khoản thanh quyết toán Hợp đồng giữa các bên. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là 9.000.000.000 đồng là có cơ sở.

[1.3] Ngoài ra, cấp sơ thẩm cũng tuyên mức lãi suất là 9%/năm tương đương với mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm xét xử với số tiền là 1.128.735.616 đồng là có lợi cho bị đơn và phù hợp luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Không Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 321/2020/KDTM-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T.

Buộc Công ty cổ phần L có trách nhiệm trả cho của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T số tiền 10.128.735.616 đồng (Mười tỷ một trăm hai mươi tám triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm mười sáu đồng) trong đó nợ gốc là: 9.000.000.000 đồng, nợ lãi là: 1.128.735.616 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần L còn phải thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Tuần Lộc tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng thi công số 230/18/LCG ngày 10/3/2018 trên số tiền còn phải thanh toán.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 118.128.736 đồng (Một trăm mười tám triệu một trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm ba mươi sáu đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 59.556.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0020020 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần L phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu đồng) được trừ bằng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0017882 ngày 21/4/2020 và 0087673 ngày 03/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS quận Bình Thạnh;
- TAND quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung